

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CAO LÃNH
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 12/4/2022

*V/v tranh chấp về hôn nhân
và gia đình - Ly hôn, nuôi con*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ong Thị Ngọc Tâm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Viết Thanh

2. Ông Nguyễn Phú Hữu

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Lệ Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Trong ngày 12 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 01/2022/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 4 năm 2022, về việc “*Tranh chấp hôn nhân gia đình - Ly hôn, nuôi con*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 53/2022/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 3 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 66/2022/QĐ-ST ngày 23 tháng 3 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Lê Thị T, sinh năm 1993;

Địa chỉ: Số 646, tổ 12, ấp T, xã T, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

- Bị đơn: Tô Văn T, sinh năm 1976;

Địa chỉ: Số 646, tổ 12, ấp T, xã T, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

(Chị T có mặt, anh T vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Lê Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh T kết hôn vào năm 2018, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, thành phố Cao Lãnh ngày 27/12/2018.

Thời gian đầu mới kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc, tuy nhiên kể từ năm 2019 đến nay vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Lý do là cả hai không tìm được tiếng nói chung trong nhiều vấn đề của đời sống vợ chồng. Vợ chồng đã tìm cách hàn gắn tình cảm nhiều lần nhưng không thành. Nếu tiếp tục hôn nhân thì vợ chồng sẽ không hạnh phúc, nay chị T yêu cầu được ly hôn với anh Tô Văn T.

Về con chung: Chị T và anh T có 01 con chung tên Tô Lê Tường V, sinh ngày 07/02/2018, hiện nay con chung đang sống chung với chị T và anh T. Sau khi ly hôn chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị T yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung, mức cấp dưỡng mỗi tháng là 2.000.000đồng/tháng, cấp dưỡng hàng tháng, thời gian cấp dưỡng là từ sau khi có quyết định ly hôn của Tòa đến khi con chung đủ 18 tuổi. Ngày 03/3/2022, chị T có tường trình, chị T không yêu cầu cấp dưỡng, hiện nay chị T có công việc ổn định và con được ở với chị T từ nhỏ.

Về tài sản chung: Chị T và anh T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị T xác định không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa,

Chị T trình bày: Chị T và anh T đã ly thân từ năm 2021, chị T và anh T đã không còn sống chung nhà, công việc của anh T là thuyền trưởng lái sà lan nên vắng nhà nhiều tháng mới về thăm con 01 lần, đồng thời anh T còn thường xuyên cờ bạc, thiếu nợ nhiều người phải về nhà lấy tiền trong gia đình ra trả nợ, chị T đã khuyên can nhưng anh T vẫn không thay đổi, nay tình cảm vợ chồng đã không còn, không thể tiếp tục cuộc sống hôn nhân, chị T vẫn giữ yêu cầu khởi kiện xin được ly hôn với anh T. Khi chị T gửi đơn ly hôn thì gia đình chị T và anh T đều biết và cũng thống nhất không có ý kiến. Chị T yêu cầu được nuôi con chung, hiện nay con chung đang ở với chị T, chị T đã có tiệm làm tóc riêng, công việc ổn định và có thể chăm sóc tốt cho con nên không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Tô Văn T không gửi văn bản trình bày ý kiến về yêu cầu xin ly hôn, nuôi con của chị T và vắng mặt tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Căn cứ vào nội dung đơn khởi kiện của chị Lê Thị T và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp về hôn nhân và gia đình ly hôn, nuôi con. Bị đơn anh Tô Văn T có địa chỉ cư trú tại thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự.

Anh Tô Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai tham gia phiên tòa nhưng anh T vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh T theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh T kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, thành phố Cao Lãnh ngày 27 tháng 12 năm 2018 nên hôn nhân giữa chị T và anh T là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận là vợ chồng.

Quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc nhưng từ năm 2019 đến nay thì chị T và anh T bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Lý do, chị T và anh T không tìm được tiếng nói chung trong nhiều vấn đề của đời sống vợ chồng, anh T thường xuyên cờ bạc thiếu nợ nhiều người phải về nhà lấy tiền gia đình để trả nợ, mặc dù chị T đã khuyên can nhưng anh T vẫn không thay đổi, làm cho mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng hơn, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nên vợ chồng đã ly thân từ năm 2021. Đồng thời, công việc của anh T thường xuyên vắng nhà nhiều tháng nên vợ chồng cũng không thể hàn gắn được. Chị T xác định đã không còn tình cảm yêu thương đối với anh T nên không thể tiếp tục cuộc sống hôn nhân.

Tại phiên tòa, mặc dù được sự động viên của Hội đồng xét xử, chị T nên cho anh T một cơ hội sửa chữa khuyết điểm cũng như cho chính mình cơ hội để hàn gắn tình cảm vợ chồng, cùng nhau xây dựng cuộc sống gia đình và chăm sóc con chung, để con có cả tình thương trọn vẹn của cha và mẹ nhưng chị T vẫn cương quyết yêu cầu xin được ly hôn với anh T và khẳng định không thể hàn gắn được tình cảm với anh T và mong Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị T ly hôn với anh T, để chị T có cuộc sống mới và chăm sóc con chung.

Hội đồng xét xử xét thấy, hôn nhân giữa chị T và anh T đã không còn hạnh phúc, không tìm được tiếng nói chung, xảy ra nhiều mâu thuẫn, anh T thường xuyên không về nhà, không cùng chị T chia sẻ, thực hiện công việc trong gia đình từ việc chăm sóc vợ con cái, đến trách nhiệm cùng xây dựng gia đình hạnh phúc, dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt.

Từ những căn cứ nêu trên, Hội đồng xét xử xác định mối quan hệ hôn nhân của chị T và anh T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T, chị T được ly hôn với anh Tô Văn T.

[2.2] Về con chung: Căn cứ vào lời trình bày của chị T và Giấy khai sinh của con chung, xác định chị T và anh T có 01 con chung tên Tô Lê Tường V, sinh ngày 07/02/2018. Hiện tại, con chung đang sống chung với chị T. Sau khi ly hôn, chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung, chị T không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Hội đồng xét xử xét thấy, từ khi sinh ra con chung đã được sự chăm sóc trực tiếp của chị T, do công việc của anh T là thuyền trưởng đi sà lan nên thường xuyên vắng nhà không có điều kiện để chăm sóc con chung. Chị T xác định, hiện tại chị T có công việc và thu nhập ổn định đủ điều kiện để nuôi dưỡng con chung. Đồng thời, cháu Tường V là bé gái cần được sự chăm sóc, giáo dục của người mẹ để có điều kiện phát triển toàn diện cả về thể chất và tinh thần nên yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung của chị T là có cơ sở. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị T, chị T được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Tô Lê Tường V, sinh ngày 07/02/2018.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Anh Tô Văn T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51; Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lê Thị T. Chị Lê Thị T được ly hôn với anh Tô Văn T.

- Về con chung: Chị T và anh T có 01 con chung tên Tô Lê Tường V, sinh ngày 07/02/2018, hiện con chung đang sống chung với chị T. Sau khi ly hôn, chị T được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Tô Lê Tường V, sinh ngày 07/02/2018.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Lê Thị T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình, được khấu trừ 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0005355 ngày 06/01/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cao Lãnh. Chị T đã nộp đủ tiền án phí.

Anh Tô Văn T không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình.

Chị T có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh T có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 - Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 - Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKS TPCL;
- Tòa án Tỉnh;
- Lưu: HSPA.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ong Thị Ngọc Tâm

